

MỘT SỐ YẾU TỐ THÚC ĐẨY SỰ THAM GIA CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRONG LỚP HỌC KỸ NĂNG NÓI TẠI KHOA TIẾNG ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Nguyễn Thanh Bình¹, Phạm Khánh Linh²
Email: binhhou@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 15/08/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.625

Tóm tắt: Bài báo này nghiên cứu một số yếu tố thúc đẩy sự tham gia của sinh viên năm thứ nhất khi học kỹ năng nói tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội (HOU). Nội dung chủ yếu tập trung vào việc tìm hiểu cách học kỹ năng nói của sinh viên năm thứ nhất, tiếp đó tìm ra những khó khăn, hạn chế của các em trong quá trình học kỹ năng này. Trên cơ sở đó, đưa ra các đề xuất giúp các em tự tin, tích cực tương tác và tăng tính chủ động tham gia trong các lớp học kỹ năng nói. Nghiên cứu này nhằm hướng tới việc xây dựng một môi trường học tập tích cực, hỗ trợ sinh viên (SV) phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh và cải thiện hiệu quả học tập.

Từ khóa: yếu tố thúc đẩy, sự tham gia, kỹ năng nói, chủ động, tự tin

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, việc trao đổi, giao lưu và hợp tác quốc tế diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Vì thế, khả năng nói, giao tiếp bằng tiếng Anh trở nên cần thiết và là yêu cầu cơ bản đối với SV trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp. Hơn thế nữa, khi học một ngoại ngữ, nói là một kỹ năng cốt yếu và là kỹ năng sản sinh thông tin, kiến thức. Kỹ năng này đóng vị trí then chốt trong việc truyền tải, nên đòi hỏi người học phải trau dồi, luyện tập với

lượng từ đa dạng, phong phú, nắm vững ngữ pháp, kiến thức nền về mọi lĩnh vực trong cuộc sống. Đồng thời, nó có mối quan hệ chặt chẽ với những kỹ năng ngôn ngữ khác như nghe, đọc và viết. Các kỹ năng này bổ sung, hỗ trợ cho nhau giúp phát triển, tiếp nhận một ngôn ngữ tốt hơn.

Tuy nhiên, một thực tế cần lưu ý là không phải SV nào cũng tự tin, chủ động tham gia vào các hoạt động học tập kỹ năng nói, đặc biệt là SV năm thứ nhất khi các em mới chỉ ở giai đoạn bắt đầu làm quen với

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

² Học viên cao học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

các môn học chuyên ngành và các kỹ năng học thuật cơ bản, trong đó có kỹ năng nói. Đây chính là rào cản khiến sự tương tác ở các lớp học này chưa được tích cực và chưa đạt được hiệu quả mong muốn.

Việc tìm hiểu về các nhân tố khuyến khích sự tham gia của SV năm thứ nhất khi học kỹ năng nói là vô cùng cần thiết. Điều này không những giúp nâng cao chất lượng giảng dạy, mà còn tạo ra môi trường học tập hiệu quả hơn, hỗ trợ SV phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh một cách toàn diện hơn. Chính vì thế, bài báo này sẽ tập trung nghiên cứu các yếu tố tác động đến mức độ tham gia của SV năm thứ nhất ở các lớp học kỹ năng nói tại khoa Tiếng Anh, HOU, qua đó đưa ra những gợi ý nhằm cải thiện hiệu quả học tập của SV.

II. Cơ sở lý luận

2.1. Khái quát về kỹ năng nói

Trong cuốn sách viết về các nguyên tắc dạy-học ngôn ngữ *Principles of Language Learning and Teaching*, Brown khẳng định: Kỹ năng nói là quá trình giao tiếp trong đó người nói “sử dụng ngôn ngữ để truyền đạt ý tưởng, quan điểm” hoặc “thông tin tới người khác trong một tình huống giao tiếp cụ thể”. Kỹ năng này không chỉ bao gồm việc sử dụng từ ngữ mà còn bao gồm cả sự tương tác, phản hồi và điều chỉnh trong suốt quá trình nói (2001).

Cùng chung quan điểm với Brown, Nunan trong công trình nghiên cứu *Language Teaching Methodology* (2003) cũng cho rằng: Kỹ năng nói là một phần của kỹ năng giao tiếp, trong đó người nói cần phải “sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt” và “thích ứng với các tình huống

giao tiếp khác nhau”. Điều này bao gồm khả năng nói một cách mạch lạc, tự tin, và sử dụng “các chiến lược giao tiếp để đạt được mục tiêu giao tiếp” (Nunan, 2003).

Còn theo tác giả Harmer: “Kỹ năng nói là khả năng truyền đạt thông tin, ý tưởng, cảm xúc, và suy nghĩ một cách rõ ràng và hiệu quả” bằng ngôn ngữ nói (2007). Kỹ năng này đòi hỏi người nói phải sử dụng ngữ điệu, tốc độ, âm lượng, và cách thể hiện phù hợp để người nghe dễ dàng tiếp nhận và hiểu được thông tin.

Nhìn chung, kỹ năng nói là khả năng truyền đạt thông tin, suy nghĩ và cảm xúc của bản thân thông qua lời nói một cách rõ ràng, “tự tin và hiệu quả” (Harmer, 2007). Nó bao gồm khả năng sử dụng ngôn từ, cấu trúc câu, giọng điệu và các yếu tố phi ngôn ngữ như cử chỉ, ánh mắt để tạo sự kết nối với người nghe. Kỹ năng nói không chỉ giúp bạn thể hiện “ý tưởng một cách mạch lạc” mà còn tạo ấn tượng và ảnh hưởng đến người khác (Harmer, 2007).

2.2. Tầm quan trọng của kỹ năng nói với việc học ngôn ngữ

Kỹ năng nói là một trong những kỹ năng cơ bản và quan trọng nhất trong việc học ngôn ngữ, đặc biệt là tiếng Anh. Khả năng nói tốt phản ánh sự thành thạo và khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt trong các tình huống giao tiếp thực tế.

Khi tham gia vào các hoạt động trao đổi, thảo luận, SV không chỉ hiểu được ngữ pháp, từ vựng mà còn có thể ứng dụng chúng trong mọi tình huống một cách tự nhiên và chính xác, từ đó phát triển khả năng ngôn ngữ toàn diện hơn (Harmer, 2007).

Khả năng vận dụng thành thạo các kỹ năng và chiến lược nói giúp người

học cải thiện khả năng trao đổi, truyền tải thông tin, từ đó tăng sự tự tin trong “giao tiếp ở các môi trường quốc tế” (Nunan, 2003). Hoạt động này cũng góp phần lớn trong việc tạo ra cơ hội việc làm, nhất là trong các lĩnh vực giao tiếp, thương mại quốc tế, hay các ngành nghề liên quan đến yếu tố nước ngoài.

Bên cạnh đó, kỹ năng nói còn đóng góp trong việc tạo dựng mối quan hệ xã hội và sự giao lưu giữa các nền văn hóa. Đây là một yếu tố không thể thiếu trong giai đoạn hội nhập hiện nay, khi mà giao tiếp đa văn hóa ngày càng trở thành yêu cầu thiết yếu trong mọi lĩnh vực công việc và học thuật.

Vì vậy, việc chú trọng phát triển khả năng nói tốt trong khi học ngôn ngữ mang lại lợi ích không những về mặt học thuật mà còn tạo ra những cơ hội thực tiễn cho người học trong tương lai.

2.3. Tiêu chí được sử dụng để đánh giá kỹ năng nói

Tùy theo mục đích và ngữ cảnh đánh giá mà sử dụng các tiêu chí khác nhau. Đối với phần thi Nói trong IELTS (International English Language Testing System), 4 yếu tố sau quyết định điểm số của người dự thi:

“- Fluency and coherence (Độ trôi chảy và mạch lạc)

- Grammatical Range and Accuracy (Độ chính xác và phạm vi ngữ pháp)

- Lexical Resource (Khả năng sử dụng từ vựng)

- Pronunciation (Phát âm)”

(Theo bảng tiêu chí chấm thi Nói IELTS)

Tương tự như vậy, tổ chức ETS (Educational Testing Service) kiểm tra năng lực tiếng Anh, cũng xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kỹ năng nói tiếng Anh gồm 4 yếu tố chính: nội dung và sắp xếp các ý, phát âm và giọng điệu, từ vựng và cấu trúc, và khả năng giao tiếp.

Nói chung, để đánh giá năng lực nói tiếng Anh, các tiêu chí chủ yếu tập trung:

- Tốc độ nói và độ trôi chảy: Có khả năng nói một cách tự nhiên, đúng tốc độ và độ trôi chảy phù hợp.

- Ngữ pháp và cấu trúc: Được sử dụng đúng.

- Từ vựng: Sử dụng đúng và đa dạng từ trong ngữ cảnh phù hợp.

- Phát âm: Khả năng phát âm đúng “*trọng âm từ, trọng âm câu và ngữ điệu*”.

- Nội dung và ý tưởng: Có “*khả năng truyền đạt thông điệp, ý tưởng, suy nghĩ một cách hiệu quả*” và logic.

- Giao tiếp và tương tác: Có khả năng giao tiếp, tương tác tốt với các loại tình huống khác nhau.

- Sự tự tin, sáng tạo và linh hoạt: Tự tin trong khi nói, sáng tạo và linh hoạt trong việc sử dụng ngôn ngữ để truyền đạt ý tưởng và thông điệp.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng khảo sát

Tác giả đã thực hiện khảo sát tình hình học kỹ năng nói của 62 sinh viên năm thứ nhất, ở trình độ B1, đến từ hai lớp học nói tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội. Đây là hai lớp tác giả được phân công giảng dạy trong học kỳ 2 năm học 2024-2025.

Bảng câu hỏi điều tra hướng tới tìm hiểu về tình hình học nói hiện nay của SV năm thứ nhất, những khó khăn mà SV gặp phải trong quá trình học kỹ năng nói để đạt chuẩn đầu ra môn học.

3.2. Công cụ thu thập dữ liệu

Để thu thập dữ liệu phục vụ nghiên cứu, tác giả đã sử dụng một công cụ là phiếu khảo sát gồm 10 câu hỏi, được chia làm hai nhóm. Nhóm 1: 3 câu được thiết kế để thu thập thông tin về cách học kỹ năng nói hiện nay của SV năm thứ nhất và nhóm 2 có 7 câu nhằm tìm hiểu về khó khăn, hạn chế mà SV phải đối mặt trong quá trình học kỹ năng nói tiếng Anh. Bảng hỏi khảo sát bao gồm cả câu hỏi trắc nghiệm một lựa chọn và nhiều lựa chọn và câu hỏi khảo sát được đo bằng thang điểm Likert 5 bậc, với các lựa chọn số: 1 = hoàn toàn không đồng ý; 2 = không đồng ý; 3 trung lập; 4 = đồng ý; 5 = hoàn toàn đồng ý

Bảng 1: Cách học kỹ năng nói hiện nay của SV năm thứ nhất

Câu hỏi		Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Bạn thường thực hành nói tiếng Anh trong lớp theo hình thức nào dưới đây? Có thể lựa chọn nhiều đáp án		
	Nói một mình	18	29,03
	Trao đổi, thảo luận theo cặp hoặc nhóm	35	56,45
	Nói trước cả lớp	9	14,51
	Cách của bạn (vui lòng ghi rõ):	0	0
2	Bạn áp dụng phương pháp nào sau đây để cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh ngoài giờ học?		
	Thực hành nói tiếng Anh với bạn bè hoặc người khác	3	4,83
	Sử dụng các công cụ hỗ trợ trực tuyến (video, podcast, ứng dụng học ngôn ngữ)	22	35,18
	Tham gia câu lạc bộ tiếng Anh	0	0
	Giao tiếp với người bản ngữ	2	3,22
	Cách của bạn (vui lòng ghi rõ):	35	56,45
3	Mức độ thường xuyên thực hành nói tiếng Anh của bạn ngoài giờ học		
	Thường xuyên	18	29,03
	Đôi khi	31	50
	Hiếm khi	13	20,97
	Không bao giờ	0	0

ý (Thang đo Likert 5 mức độ của Rensis Likert, 1932). Bảng câu hỏi được thiết kế trên google form và gửi tới SV năm thứ nhất khoa Tiếng Anh, HOU và đã nhận được 62 phản hồi.

IV. Tình hình học kỹ năng nói hiện nay của sinh viên năm thứ nhất

Kết quả của nghiên cứu được trình bày và thảo luận dựa trên mục đích nghiên cứu được đề ra.

4.1. Phương pháp học kỹ năng nói hiện nay của SV năm thứ nhất khoa Tiếng Anh, HOU

Dữ liệu thu được từ phiếu khảo sát cho thấy, trong giờ học, chỉ có 56,45% sinh viên thực hành nói theo cặp hoặc nhóm, trong khi vẫn còn 29,03% chọn cách “*Nói một mình*”, chưa có sự giao tiếp, tương tác để có thể học hỏi từ bạn và hiểu được điểm mạnh và điểm yếu cần cải thiện.

Với hình thức thực hành thêm ngoài giờ học để cải thiện kỹ năng nói, cũng chỉ có 4,83% SV tham gia khảo sát áp dụng hình thức “Thực hành nói tiếng Anh với bạn bè hoặc người khác”, tỷ lệ khá thấp so với 35,18% các em “Sử dụng các công cụ hỗ trợ trực tuyến (như video, podcast, ứng dụng học ngôn ngữ)”. Mặc dù mới có 50% SV chia sẻ là “thường xuyên” thực hành nói tiếng Anh ngoài giờ học nhưng con số này cho thấy nhu cầu và

mong muốn cải thiện kỹ năng nói của các bạn khá cao.

4.2. Một số khó khăn và hạn chế của sinh viên năm thứ nhất trong quá trình học kỹ năng nói

Các bảng và biểu đồ bên dưới miêu tả những khó khăn mà SV năm thứ nhất gặp phải trong quá trình học kỹ năng nói.

4.2.1. Khó khăn và hạn chế liên quan đến các tiêu chí cơ bản đánh giá kỹ năng nói

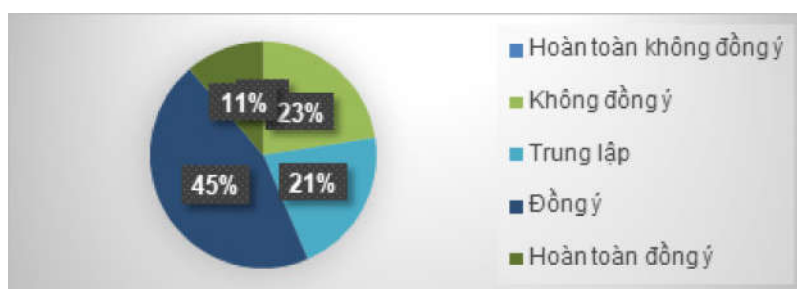
Bảng 2: Một số khó khăn và hạn chế thuộc về các tiêu chí cơ bản

Câu hỏi: Bạn gặp khó khăn nào sau đây trong khi nói tiếng Anh? Có thể lựa chọn nhiều đáp án	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Phát âm chuẩn, có trọng âm và ngữ điệu	18	29,03
Sử dụng từ vựng đúng và đa dạng	35	56,45
Sử dụng đúng ngữ pháp và cấu trúc câu	16	25,8
Khả năng nói trôi chảy và mạch lạc	41	66,12

Dựa trên kết quả khảo sát về khó khăn và hạn chế của SV trong việc đáp ứng được các tiêu chí đánh giá kỹ năng nói, có thể thấy rằng phần lớn SV gặp khó khăn liên quan các tiêu chí đánh giá kỹ năng nói. Cụ thể, có tới 66,12% SV gặp khó khăn liên quan đến “Độ trôi chảy

và mạch lạc” và 56,45% trong việc “Sử dụng từ vựng đúng và đa dạng” cho thấy vấn đề này khá phổ biến đối với nhiều SV năm thứ nhất. Đồng thời, cũng có 25,8% khó khăn khi “Sử dụng ngữ pháp và cấu trúc câu” và 29,03% đối với tiêu chí “Phát âm chuẩn”.

4.2.2. Thiếu tự tin



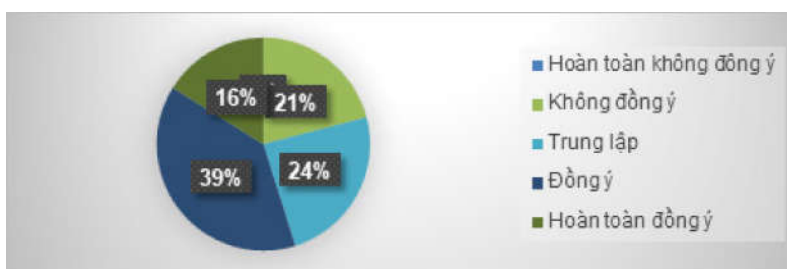
Hình 1. Bảng tỉ lệ về sự thiếu tự tin của SV

Khi đưa ra lựa chọn với đánh giá “Bạn cảm thấy thiếu tự tin khi nói tiếng Anh trước lớp học hay trước người khác”, có tới 56% SV tự nhận xét “thiếu tự tin” khi nói tiếng Anh trước lớp hay trước người

khác, trong đó 21% lựa chọn “Trung lập” với nhận định này.

4.2.3. Thiếu động lực

Ngoài ra, một vấn đề khác được chỉ ra là thiếu động lực (xem biểu đồ trang sau).

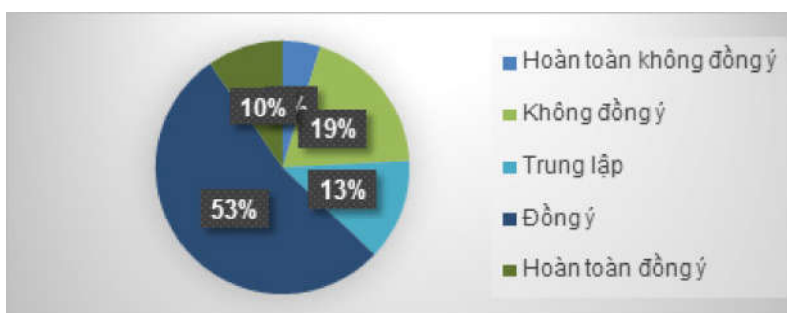


Hình 2. Bảng tỉ lệ về mức độ thiếu động lực của SV

Có tới 55% SV nhận xét “đồng ý và hoàn toàn đồng ý” với nhận định “thiếu động lực” để tham gia vào các hoạt động nói. Điều này có thể ảnh hưởng đến sự duy trì luyện tập và sự cải thiện kỹ năng nói. Tuy nhiên, vẫn

có một số SV (21%) “không đồng ý” với ý kiến này - “Bạn cảm thấy thiếu động lực tham gia vào các hoạt động nói” - cho thấy động lực học từ vựng vẫn có thể được duy trì trong một nhóm SV nhất định.

4.2.4. Chưa có phương pháp học phù hợp

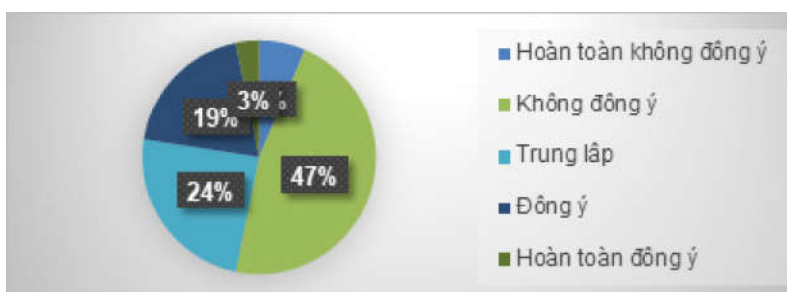


Hình 3. Bảng tỉ lệ SV chưa có phương pháp học phù hợp

Trong phần phát biểu về “phương pháp học phù hợp với năng lực của bản thân”, một tỷ lệ lớn SV (63%) cho rằng các em chưa có phương pháp học phù hợp với năng lực của bản thân (53% SV “đồng ý” và 10% SV “hoàn toàn đồng ý”)

ý” và 10% SV “hoàn toàn đồng ý”) và gặp khó khăn trong việc đưa ra ý tưởng trong khi nói, khiến SV không thể diễn đạt ý một cách mạch lạc.

4.2.5. Chưa có môi trường giao tiếp linh hoạt



Hình 4. Bảng tỉ lệ SV chưa có môi trường giao tiếp linh hoạt

Khi đưa ra phản hồi đối với nhận định “Chưa có môi trường giao tiếp linh hoạt” để thực hành nói tiếng Anh, 52%

SV chọn “không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý”. Tuy nhiên, vẫn còn có 24% “đồng ý” với quan điểm trên và cho

biết các bạn gặp khó khăn khi “hiểu và phản hồi” nhanh chóng trong các cuộc hội thoại, trao đổi tiếng Anh.

V. Đề xuất giải pháp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên năm thứ nhất trong lớp học kỹ năng nói tại khoa Tiếng Anh, HOU

Từ những cách thức học kỹ năng nói chưa được hiệu quả kèm một số hạn chế mà cùng với nhu cầu mong muốn phát triển năng lực nói tiếng Anh, tác giả xin Đề xuất một số giải pháp thúc đẩy sự tham gia của SV năm thứ nhất trong lớp học kỹ năng nói tại Khoa Tiếng Anh, HOU.

5.1. Đối với công tác giảng dạy

- Sử dụng *phương thức* và *chiến lược* giảng dạy đa dạng, linh hoạt và *phù hợp*

Việc sử dụng “*các phương thức và chiến lược giảng dạy đa dạng, linh hoạt và phù hợp*” khuyến khích SV tham gia nhiều hơn trong suốt quá trình học nói. Giảng viên (GV) có thể áp dụng phương pháp dạy tương tác như Communicative Language Teaching (CLT) giúp SV học thông qua giao tiếp thực tế, tích cực ứng dụng đa phương tiện vào giảng dạy kết hợp với các đường hướng giảng dạy ngoại ngữ trong “*thiết kế bài giảng, tổ chức dạy học, giao tiếp*” (Brown, 2001) để tạo động lực và hứng thú cho người học, tăng mức độ tham gia, đồng thời sử dụng nhiều kỹ thuật khác nhau như thuyết giảng, hoạt động nhóm, thảo luận hay trình chiếu. GV cũng có thể giới thiệu các công cụ học trực tuyến, các ứng dụng trao đổi ngôn ngữ như Skype, ELSA Speak, Memrise, Zoom để thực hành luyện nói hoặc cung cấp thêm cho SV videos của các diễn giả

trong nước cũng như trên thế giới để SV có cơ hội quan sát, học hỏi kinh nghiệm và áp dụng.

Để triển khai hiệu quả giải pháp trên, sự đầu tư vào cơ sở vật chất (phòng học, thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy chiếu, máy tính, phần mềm học trực tuyến) cũng như đào tạo GV về các phương pháp giảng dạy tương tác và ứng dụng công nghệ vào giảng dạy cần được chú trọng. Bên cạnh đó, việc tạo điều kiện cho SV tiếp cận các công cụ học tập trực tuyến và khuyến khích họ sử dụng chúng cũng đòi hỏi một nền tảng công nghệ vững mạnh từ phía nhà trường.

- *Đánh giá liên tục và cung cấp phản hồi mang tính xây dựng*

GV thường xuyên đánh giá tiến bộ học tập và cung cấp phản hồi mang tính xây dựng và kịp thời, tạo cơ hội cho SV nhận thức được những điểm mạnh và điểm cần cải thiện, giúp họ cải thiện kỹ năng nói mà không cảm thấy bị chỉ trích.

- *Thiết kế đa dạng các hoạt động thực hành*

Các hoạt động nói như thảo luận theo cặp, theo nhóm, trò chơi ngôn ngữ, tình huống thực tế (role-play) cần được GV thiết kế một cách đa dạng, tạo cơ hội cho SV vận dụng kiến thức một cách thực tiễn, giảm bớt sự căng thẳng. GV cũng cần lưu ý lựa chọn chủ đề thảo luận gần gũi với sở thích và quan tâm của SV, tạo động lực cho họ tham gia hơn.

- *Xây dựng môi trường học tập tích cực, sáng tạo và kích thích tư duy phản biện*

Một môi trường học tập thoải mái cùng với sự động viên, khích lệ từ GV

giúp SV cảm thấy tự tin và muốn tham gia nhiều hơn. Ngoài ra, GV cần khuyến khích sinh viên sáng tạo và đổi mới phương pháp học; tạo điều kiện cho SV thử nghiệm các ý tưởng mới; giới thiệu kỹ năng tư duy phản biện v.v... giúp SV tăng khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo thông qua các buổi tranh luận, phản biện hay các tình huống thực tế mà SV phải giải quyết.

Những yếu tố như vậy không những giúp SV tự tin hơn trong khi học nói tiếng Anh mà còn tạo ra một lớp học năng động và có tính tương tác cao.

- Đo lường mức độ hiệu quả của các giải pháp đề xuất

Việc đo lường mức độ hiệu quả của các giải pháp trên có thể thực hiện qua việc khảo sát sự tiến bộ của SV trong việc cải thiện kỹ năng nói, qua các kỳ thi, bài kiểm tra kỹ năng nói định kỳ, và quan sát sự tham gia của SV trong các hoạt động học tập. GV có thể thực hiện trao đổi, thảo luận với SV, giảng viên để thu thập ý kiến phản hồi về sự thay đổi trong mức độ tham gia và sự tự tin khi sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp.

5.2. Đối với hoạt động học tập

Để tăng cường sự tương tác trong lớp học kỹ năng nói, SV có thể áp dụng một số giải pháp sau:

- *Xây dựng mục tiêu học tập rõ ràng*

Sinh viên cần đưa ra mục tiêu học tập cụ thể, đồng thời, “*lập kế hoạch theo dõi và đánh giá tiến độ học tập*”. Việc này giúp SV có động lực và phương hướng trong học tập, giúp nhận thức được sự tiến bộ của bản thân.

- *Lập kế hoạch học tập chủ động*

Sau khi đặt ra mục tiêu, SV chủ động lập kế hoạch và tham gia vào quá trình học thay vì chỉ lắng nghe bài giảng trên lớp. Ví dụ, SV có thể áp dụng phương pháp học theo dự án (project-based learning), trong đó SV phối hợp với nhau để hoàn thành nhiệm vụ hoặc học qua thảo luận nhóm, giúp SV thực hành và “*khám phá kiến thức một cách chủ động*” (Nunan, 1999). SV cần chủ động hình thành và củng cố kỹ năng giao tiếp tiếng Anh thông qua luyện tập phát âm chuẩn, vận dụng từ vựng, ngữ pháp, cấu trúc câu, tích lũy các ý tưởng và làm chủ các tình huống giao tiếp. Điều này không chỉ giúp cải thiện kỹ năng nói mà còn tạo cơ hội cho SV “*thực hành trong một bối cảnh thực tế*” (Brown, 2001).

- Chủ động tăng cường tương tác với giảng viên, sinh viên

Kỹ năng nói chỉ có thể cải thiện qua việc thực hành thường xuyên, chủ động tham gia các tình huống giao tiếp thực tế. SV cần tăng cường tương tác với GV và bạn bè trong và ngoài giờ học, tạo ra một không gian mở nhằm chia sẻ, kết nối và thực hành phát triển kỹ năng nói tiếng Anh. Chính sự tương tác này hình thành môi trường học tập sáng tạo, sinh động, khuyến khích SV trình bày quan điểm, kiến thức về các chủ đề gắn liền với cuộc sống thực tế.

- *Học tập kết hợp công nghệ*

Các ứng dụng công nghệ hỗ trợ luyện tập kỹ năng nói như các ứng dụng Skype, ELSA Speak, Memrise v.v... làm phong phú thêm tài liệu học tập, giúp trao đổi và kích thích sự tương tác, tham gia vào các diễn đàn thảo luận và giao lưu

tiếng Anh ngoài giờ học. Ứng dụng phần mềm khi học môn nói tiếng Anh sẽ giúp SV hình thành tư duy phản biện và phát triển các năng lực tiếng Anh cần thiết đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Nhìn chung, để nâng cao chất lượng, hiệu quả việc dạy-học kỹ năng nói tiếng Anh của SV năm thứ nhất, ngành Tiếng Anh, HOU, trước hết người học cần tích cực tham gia vào hoạt động tương tác trong lớp, đồng thời cũng cần kết hợp giao tiếp, thực hành nói thêm ngoài giờ học. Thêm vào đó, SV cũng cần phải chủ động “*nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin*” nhằm giúp SV phát triển kỹ năng nói tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ của “*công dân toàn cầu trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0*” (Ngọc Linh & Quảng Sơn, 2020).

VI. Kết luận

Nghiên cứu đã bước đầu chỉ ra một số hạn chế mà SV năm thứ nhất gặp phải khi học nói hay thuyết trình, bao gồm sự thiếu tự tin, thiếu sự chỉ dẫn và phương pháp cũng như kỹ năng thực hành nói phù hợp và đặc biệt là thiếu động lực thúc đẩy tham gia vào các hoạt động tương tác trong lớp. Điều này khiến SV bỏ lỡ nhiều cơ hội thực hành nói tiếng Anh, ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng nói và khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cũng đã đề xuất số giải pháp thúc đẩy sự tham gia của SV trong lớp học kỹ năng nói bao gồm việc sử dụng phương pháp giảng dạy linh hoạt, đa dạng, cung cấp phản hồi kịp thời và xây dựng môi trường học tập tích cực. Các giải pháp này không chỉ giúp SV tham gia tích cực vào lớp học mà còn tạo ra môi trường học tập vừa năng động lại sáng tạo, khuyến khích giao tiếp và sự hợp

tác giữa các SV. Có thể nói, kết quả nghiên cứu là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho SV, giảng viên nghiên cứu về lĩnh vực phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh và nâng cao hiệu quả học tập trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tuy nhiên, khảo sát chỉ giới hạn trong 62 SV năm thứ nhất ngành tiếng Anh, HOU, điều này có thể không phản ánh đầy đủ tình hình chung của SV ở các ngành khác. Do vậy, để làm rõ và mở rộng các phát hiện của nghiên cứu này, nghiên cứu tiếp theo có thể tăng số lượng người tham gia và mở rộng khảo sát đến SV các ngành khác hoặc các trường đại học khác và nghiên cứu sâu hơn về các yếu tố tác động từ bên ngoài như môi trường gia đình, cộng đồng đối với sự phát triển kỹ năng nói của sinh viên.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Creswell, John. W. (2014). *Pearson Education Limited. Educational Research: Planning, Conducting.* [Google Scholar]
- [2]. Douglas Brown, H. (2001). *Principles of Language Learning and Teaching.*
- [3]. Holec, H. (1981). *Autonomy and foreign language learning.* Oxford: Pergamon.
- [4]. Hughes, A. (1989). *Testing for Language Teachers.* Cambridge University Press.
- [5]. Hughes, R. (2002). *Teaching and Researching Speaking.* New York: Pearson Education.
- [6]. Jack, C. Richards & Theodore S. Renandya. (2002). *Methodology in Language Teaching: An Anthology of Current Practice.*
- [7]. Jeremy Harmer. (2007). *The Practice of English Language Teaching.*
- [8]. Little, D. (2003). *Autonomy in language learning Some theoretical and practical considerations.* In Ann Swarbricks (ed.). *Teaching Modern Languages.* Routledge.

- [9]. Littlewood, W. (1996). “*Autonomy*”: *an Anatomy and a Framework*. System. 2 (4). 427 - 435.
- [10]. Nunan, D. (1999). *Second Language Teaching and Learning*. Boston MA: Heinle/Thomson.
- [11]. Nunan, D (2003). *Language Teaching Methodology* (2003): Boston MA: Heinle/Thomson
- [12]. Nunally, J.C. (1982). Reliability of Measurement. *Encyclopedia of Educational Research* (4) pp 15- 16
- [13]. Phil Benson & Peter Voller (1997). *Autonomy & independence in language learning*. New York: Longman.
- [14]. Tricia, H. (2000). *Teaching and Learning in the Language Classroom*. Oxford: Oxford University Press.
- [15]. Trần Thị Ngọc Linh và Trần Quảng Sơn. (2020). *Autonomous learners: Fostering the Autonomy of foreign language learners*. Tạp chí Công thương. <https://tapchicongthuong.vn>

SOME FACTORS MOTIVATING FIRST-YEAR STUDENTS’ PARTICIPATION IN SPEAKING CLASSES AT THE FACULTY OF ENGLISH, HANOI OPEN UNIVERSITY

Nguyen Thanh Binh³, Pham Khanh Linh⁴

Abstract: *This article studies some factors that motivate first-year students’ participation in speaking classes at the Faculty of English, Hanoi Open University. The study primarily focuses on exploring how these students approach learning speaking skills and identifying the difficulties and limitations they encounter during the process. Based on these findings, the paper proposes recommendations to enhance teaching effectiveness, help students become more confident, actively interact, and enhance proactive participation in speaking classes. This research aims at creating a positive learning environment that supports students in developing their English communication skills and improving their academic performance.*

Keywords: *motivating factors, participation, speaking skills, initiative, self-confidence*

³ Hanoi Open University

⁴ Master’s student, University of Languages and International Studies, VNU Hanoi